TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VŨNG TÀU** **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2025/KDTM-ST
Ngày: 26-6-2025
Về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Hạnh Nguyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Hải

2. Ông Nguyễn Văn Tám

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Phương Thảo – Thư ký Tòa án nhân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hiên - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 04/2025/TLST-KDTM ngày 21 tháng 01 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2025/QĐXXST-KDTM ngày 08 tháng 5 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2025/QĐST-DS ngày 04 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần B; địa chỉ: Tòa nhà H N, phường E, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Quang T - Tổng Giám đốc *(vắng mặt)*.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1993; địa chỉ: E L, phường G, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; là đại diện theo Quyết định số 846/2023/BVBank/UQ- UQ-QL&THN ngày 14-12-2023 và Giấy ủy quyền số 1365/24/BVBank/UQ-QL&THN ngày 30-10-2024 *(có mặt)*.

2. *Bị đơn:* Công ty TNHH T1; địa chỉ: Đường L, khu phố T, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngọc H1, sinh năm 1988; chức vụ: Giám đốc; địa chỉ: Khu phố V, phường P, thành phố P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu *(vắng mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần B **thông qua người đại diện hợp pháp trình bày:**

Ngày 30-3-2022, Ngân hàng thương mại cổ phần B – Chi nhánh V (gọi tắt là Ngân hàng) và Công ty TNHH T1 (gọi tắt là Công ty T1) ký Hợp đồng tín dụng từng

lần số 01122.000175.00 để vay vốn tại Ngân hàng với số tiền vay là 790.000.000đ, mục đích là cho vay mua xe ô tô phục vụ sản xuất kinh doanh, thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày khách hàng nhận nợ vay lần đầu, lãi suất vay được ghi cụ thể trên giấy nhận nợ, lãi suất quá hạn là 150% lãi trong hạn.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay của Hợp đồng tín dụng từng lần số 01122.000175.00 ngày 30-3-2022 là xe ô tô đầu kéo, biển số 72H-017.99 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 72 017996 do Phòng Cảnh sát giao thông tỉnh B cấp ngày 29-3-2022 cho Công ty T1 theo Hợp đồng thế chấp số 01122.000176.00 ngày 30-3-2022, được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Đà Nẵng ngày 31-3-2022.

Ngân hàng đã giải ngân toàn bộ số tiền vay bằng hình thức chuyển khoản vào số tài khoản mà bị đơn chỉ định, cụ thể là chuyển vào tài khoản của Công ty TNHH L theo Giấy nhận nợ số 01122.000175.00.001 ngày 31-3-2022.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng từng lần nêu trên, tổng số tiền mà Công ty T1 đã trả cho Ngân hàng là 694.908.601đ; trong đó: Nợ gốc là 551.014.548đ; lãi trong hạn là 143.894.053đ.

Ngày 27-5-2024, Công ty T1 bắt đầu vi phạm nghĩa vụ trả nợ như thỏa thuận tại hợp đồng. Khi phát sinh nợ quá hạn và vi phạm về nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nhưng đến nay Công ty T1 vẫn không thanh toán nợ vay cho Ngân hàng.

Do đó, nguyên đơn khởi kiện đề nghị Tòa án yêu cầu bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền vay phát sinh từ Hợp đồng tín dụng từng lần số 01122.000175.00 ngày 30-3-2022 và Giấy nhận nợ số 01122.000175.00.001 ngày 31-3-2022 tạm tính đến ngày 26-6-2025 là 281.361.156 đồng; trong đó: Nợ gốc là 238.985.452đ, lãi trong hạn là 14.029.938đ, lãi quá hạn là 27.218.065đ và phạt chậm trả lãi là 1.127.701đ và tiền lãi phát sinh từ ngày 27-6-2025 theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng từng lần số 01122.000175.00 ngày 30-3-2022 và Giấy nhận nợ số 01122.000175.00.001 ngày 31-3-2022 cho đến khi Công ty T1 hoàn thành nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng.

Về tài sản thế chấp thì Ngân hàng chỉ giữ bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 72 017996 do Phòng Cảnh sát giao thông tỉnh B cấp ngày 29-3-2022 cho Công ty T1 đối với xe ô tô đầu kéo, biển số 72H-017.99. Nguyên đơn không yêu cầu xử lý tài sản thế chấp, chỉ yêu cầu Tòa án tuyên buộc bị đơn phải trả số tiền nêu trên cho nguyên đơn.

Đối với bị đơn là Công ty TNHH T1**:** Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ Công ty TNHH T1 đến làm việc nhưng Công ty vắng mặt không có lý do cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình cho Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký đúng quy định. Đương sự có mặt tại phiên tòa sơ thẩm chấp hành tốt quy định pháp luật tố tụng.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; tuyên bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền là 281.361.156 đồng; trong đó: Nợ gốc là 238.985.452đ, lãi trong hạn là 14.029.938đ, lãi quá hạn là 27.218.065đ và phạt chậm trả lãi là 1.127.701đ và tiền lãi phát sinh từ ngày 27-6-2025 theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng từng lần số 01122.000175.00 ngày 30-3-2022 và Giấy nhận nợ số 01122.000175.00.001 ngày 31-3-2022 cho đến khi Công ty T1 hoàn thành nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1.] Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng tín dụng phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hợp đồng tín dụng từng lần số 01122.000175.00 ngày 30-3-2022 có hoạt động giải ngân tiền vay tại Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh V và nguyên đơn lựa chọn Tòa án nơi hợp đồng được thực hiện để giải quyết tranh chấp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Công ty TNHH T1 được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Công ty TNHH T1 theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Ngày 30-3-2022, Ngân hàng và Công ty T1 ký Hợp đồng tín dụng từng lần số 01122.000175.00 để vay vốn tại Ngân hàng với số tiền vay là 790.000.000đ, mục đích là cho vay mua xe ô tô phục vụ sản xuất kinh doanh, thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày khách hàng nhận nợ vay lần đầu, lãi suất vay được ghi cụ thể trên giấy nhận nợ, lãi suất quá hạn là 150% lãi trong hạn. Tài sản đảm bảo cho khoản vay của Hợp đồng tín dụng từng lần số 01122.000175.00 ngày 30-3-2022 là xe ô tô đầu kéo, biển số 72H-017.99 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 72 017996 do Phòng Cảnh sát giao thông tỉnh B cấp ngày 29-3-2022 cho Công ty T1 theo Hợp đồng thế chấp số 01122.000176.00 ngày 30-3-2022, được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Đà Nẵng ngày 31-3-2022.

Ngân hàng đã giải ngân toàn bộ số tiền vay bằng hình thức chuyển khoản vào số tài khoản mà bị đơn chỉ định, cụ thể là chuyển vào tài khoản của Công ty TNHH L theo Giấy nhận nợ ngày 31-3-2022. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty T1 đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là 694.908.601đ; trong đó: Nợ gốc là 551.014.548đ; lãi trong hạn là 143.894.053đ.

Ngày 27-5-2024, Công ty T1 bắt đầu vi phạm nghĩa vụ trả nợ được quy định trong Hợp đồng tín dụng từng lần số 01122.000175.00 ngày 30-3-2022 nêu trên. Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu Công ty T1 trả nợ nhưng Công ty không trả.

Do đó, Ngân hàng đã khởi kiện và yêu cầu Công ty T1 phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 26-6-2025 tổng cộng là 281.361.156 đồng; trong đó: Nợ gốc là 238.985.452đ, lãi trong hạn là 14.029.938đ, lãi quá hạn là 27.218.065đ và phạt chậm trả lãi là 1.127.701đ và tiền lãi phát sinh được tính kể từ ngày 27-6-2025 theo thỏa thuận hai bên đã ký tại Hợp đồng tín dụng từng lần số 01122.000175.00 ngày 30-3-2022 và Giấy nhận nợ số 01122.000175.00.001 ngày 31-3-2022 cho đến khi Công ty T1 thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng; nguyên đơn không yêu cầu xử lý tài sản thế chấp.

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Căn cứ quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự, Hội đồng xét xử không xem xét về hợp đồng thế chấp, xử lý tài sản thế chấp mà chỉ xem xét, giải quyết đối với yêu cầu của nguyên đơn về số tiền nợ gốc còn lại và tiền lãi.

Xét nội dung của Hợp đồng tín dụng từng lần số 01122.000175.00 ngày 30-3-2022 không vi phạm điều cấm của pháp luật, phù hợp với nhu cầu của bên vay và điều kiện kinh doanh của bên cho vay. Thời điểm ký kết hợp đồng các bên hoàn toàn tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp với quy định tại các Điều 401, 402 Bộ luật Dân sựcó giá trị pháp lý và có hiệu lực thi hành đối với các bên. Quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân toàn bộ số tiền vay cho bị đơn là 790.000.000 đồng là thực hiện theo đúng cam kết. Tính đến ngày 27-5-2024, Công ty T1 đã trả số nợ gốc là 551.014.548đ và không tiếp tục trả tiền gốc cho Ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận hai bên đã ký. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ tiền nợ gốc là 238.985.452đ là có cơ sở chấp nhận.

Đối với yêu cầu về lãi trong hạn, lãi quá hạn và phạt chậm trả lãi: Theo thỏa thuận của các bên tại Điều 6 của Điều khoản cấp tín dụng đính kèm Hợp đồng tín dụng từng lần số 01122.000175.00 ngày 30-3-2022 về lãi trong hạn, lãi quá hạn và phạt chậm trả lãi giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật về việc áp dụng mức lãi suất cho vay và đã được Ngân hàng tính toán, thực hiện theo đúng hợp đồng, theo từng giai đoạn điều chỉnh lãi suất của bên cho vay và phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sựnên có giá trị thi hành đối với các bên. Do đó, Ngân hàng yêu cầu Công ty T1 phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền lãi là 42.375.704đ; trong đó: Lãi trong hạn: 14.029.938đ, lãi quá hạn: 27.218.065đ và phạt chậm trả lãi: 1.127.701đ; là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Từ các phân tích trên, cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc Công ty T1 phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền là 281.361.156đ; trong đó: nợ gốc là 238.985.452đ, lãi trong hạn là 14.029.938đ, lãi quá hạn là 27.218.065đ, phạt chậm trả lãi là 1.127.701đ và Công ty T1 còn phải tiếp tục trả tiền lãi từ ngày 27-6-2025 theo mức lãi suất hai bên đã ký tại Hợp đồng tín dụng từng lần số 01122.000175.00 ngày 30-3-2022 và Giấy nhận nợ số 01122.000175.00.001 ngày 31-3-2022 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; các Điều 275, 401, 402, 463, 466 Bộ luật Dân sựĐiều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần B đối với bị đơn là Công ty TNHH T1 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng":

Công ty TNHH T1 phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần B tổng số tiền theo Hợp đồng tín dụng từng lần số 01122.000175.00 ngày 30-3-2022 và Giấy nhận nợ số 01122.000175.00.001 ngày 31-3-2022 là 281.361.156đ *(Hai trăm tám mươi mốt triệu, ba trăm sáu mươi mốt ngàn, một trăm năm mươi sáu đồng)*; trong đó: Nợ gốc là 238.985.452đ; lãi trong hạn là 14.029.938đ, lãi quá hạn là 27.218.065đ và phạt chậm trả lãi là 1.127.701đ *(có Bảng tính lãi kèm theo Bản án)*.

Công ty TNHH T1 phải tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 27-6-2025 theo Hợp đồng tín dụng từng lần số 01122.000175.00 ngày 30-3-2022 và Giấy nhận nợ số 01122.000175.00.001 ngày 31-3-2022 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Công ty TNHH T1 phải chịu 14.068.058đ *(Mười bốn triệu, không trăm sáu mươi tám ngàn, không trăm năm mươi tám đồng)*.

2.2. Ngân hàng thương mại cổ phần B không phải chịu, được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.300.000đ *(Sáu triệu, ba trăm ngàn đồng)* theo Biên lai thu số 0002645 ngày 21-01-2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Thời hạn kháng cáo bản án sơ thẩm đối với đương sự có mặt là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với các đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP Vũng Tàu;
- Chi cục THADS TP Vũng Tàu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Hồ Hạnh Nguyên